



Numbers 1–10 • Số đếm tiếng Anh

Trang 1/3 • Đọc số, tô chữ rỗng, đếm hình và tô màu đúng số lượng

1

one



Viết lại: one = 1

2

two



Viết lại: two = 2

3

three



Viết lại: three = 3

4

four



Viết lại: four = 4

5

five



Viết lại: five = 5



Numbers 1–10 • Số đếm tiếng Anh

Trang 2/3 • Đọc số, tô chữ rỗng, đếm hình và tô màu đúng số lượng

6

six

Viết lại: six = 6



7

seven

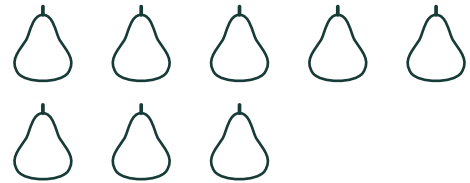
Viết lại: seven = 7



8

eight

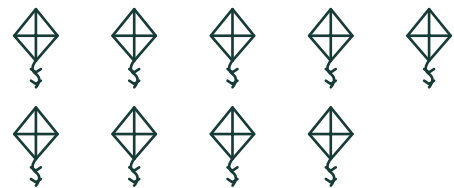
Viết lại: eight = 8



9

nine

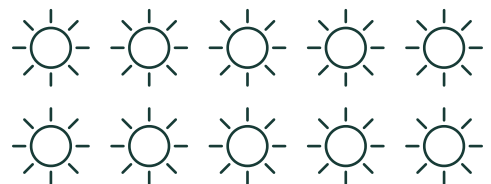
Viết lại: nine = 9



10

ten

Viết lại: ten = 10





How many? · Có bao nhiêu?

Trang 3/3 · Đếm hình rồi khoanh tròn đúng chữ số tiếng Anh



two

three

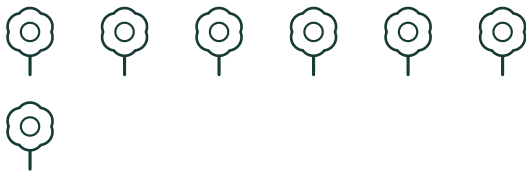
five



three

five

seven



five

seven

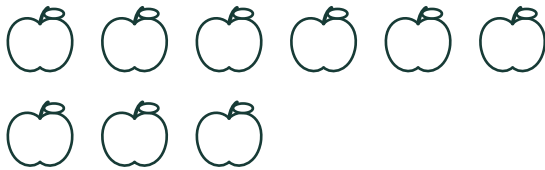
eight



two

four

five



eight

nine

ten



five

six

eight



one

two

three



seven

eight

nine



eight

nine

ten



one

two

three